

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 01/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15/01/2026

Về xin ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiến

Bà Lê Thu Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-
Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Ninh Bình tham gia phiên tòa:
bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - N sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025
về tranh chấp: “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 24/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn
phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Q, sinh ngày 18/01/1998.

Số CCCD 0371980000xx

Địa chỉ: Xóm 12, xã Phát Diệm, tỉnh Ninh Bình

Bị Đơn: Anh Phạm Duy T, sinh ngày 16/6/1996.

Số CCCD 0370960020xx

Địa chỉ: Thôn C, xã K, tỉnh Ninh Bình.

Người làm chứng: Bà Phạm Thị H (mẹ đẻ chị Q). Vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Q có mặt; anh T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập tổng
đạt hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Ngô Thị Q trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Duy T được tự do tìm hiểu tự nguyện và có đăng
ký kết hôn ngày 03/5/2017 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, nay là xã K,

tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh T là ông Phạm Huy H1 và bà Vũ Thị T1 tại xóm C, xã K, huyện Y, nay là xã K, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2020 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi bới đánh đập chị nhiều lần và thường xuyên đi chơi đêm, không quan tâm đến vợ con. Chị đã cố gắng khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi cách sống. Từ tháng 10/2023, do không thể chịu đựng được nữa, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại xóm A, xã K, huyện K, nay là xóm A, xã P, tỉnh Ninh Bình. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau nữa, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Q đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Duy T để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị Q và anh Phạm Duy T có 01 con chung là cháu Phạm Quốc T2, sinh ngày 28/6/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị Q xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Q đã được Toà án giải thích về pháp luật về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh T cấp dưỡng vì hiện nay điều kiện kinh tế của chị Q vẫn nuôi được con. Nghề nghiệp hiện nay của chị Q là bán hàng tự do, thu nhập từ 08 đến 10 triệu đồng/tháng. Còn nghề nghiệp của anh T hiện nay làm gì và thu nhập như thế nào chị không nắm được.

Về con riêng: chị Q và anh T không ai có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ: Chị Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Bị đơn - Anh Phạm Duy T*: không có ý kiến trình bày gì mặc dù Toà án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đúng trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Q, xử cho chị Ngô Thị Q được ly hôn anh Phạm Duy T. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị

Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Phạm Quốc T2, sinh ngày 28/6/2017 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của chị Q về không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí ly hôn: chị Ngô Thị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Ngô Thị Q và anh Phạm Duy T kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y (nay là UBND xã K) vào ngày 03/5/2017. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà bố mẹ anh T ở xóm C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nay là xã K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc sau đó vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm cách sống, anh T ghen tuông vô cớ, anh T không quan tâm đến chị Q và thường bỏ nhà đi chơi qua đêm dẫn đến vợ chồng cãi chửi đánh nhau nhiều lần. Đến tháng 10/2023, chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị Q tại xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, nay là xã P, tỉnh Ninh Bình. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có mặt tại địa phương, đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không đến Toà án làm việc và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Q thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn gia đình. Chị Q đã đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn do xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ Điều 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Về con chung*: Chị Q và anh T có một con chung là cháu Phạm Quốc T2, sinh ngày 28/6/2017, hiện nay cháu đang ở với chị Q. Nguyên vọng của cháu là muốn được ở với chị Q. Về phía anh T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phạm Quốc T2 cho chị Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về phần cấp dưỡng nuôi con, mặc dù Toà án đã giải thích pháp luật về quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Q vẫn không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay điều kiện kinh tế hiện nay của chị vẫn lo được cho con được đảm bảo còn anh T nghề nghiệp thu nhập

không ổn định nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3].*Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị Q không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].*Về án phí dân sự sơ thẩm*: chị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Quỳnh .

Xử cho chị Ngô Thị Q được ly hôn anh Phạm Duy T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị Q được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Phạm Quốc T2, sinh ngày 28/6/2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị Q phải nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí BLTU/25E số 0001986 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình

Án xử công khai sơ thẩm, chị Q có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Khu vực 4- Ninh Bình.
- Phòng THA DS Khu vực 4- Ninh Bình
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy